

**NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018	2017
	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>		
<b>Tiền mặt</b>	<b>391.775</b>	<b>403.083</b>
<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>11.521.295</b>	<b>5.752.645</b>
<b>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>33.532.737</b>	<b>30.926.398</b>
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	33.452.737	30.528.367
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	80.000	398.031
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>53.260</b>
Chứng khoán kinh doanh	-	53.623
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	-	(363)
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>8.578</b>	<b>15.718</b>
<b>Cho vay khách hàng</b>	<b>44.111.305</b>	<b>39.333.828</b>
Cho vay khách hàng	44.703.632	39.904.385
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(592.327)	(570.557)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>9.338.557</b>	<b>9.994.663</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.338.557	10.179.273
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	-	(184.610)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>85.809</b>	<b>57.303</b>
Tài sản cố định hữu hình	82.261	55.010
Nguyên giá	186.819	194.355
Giá trị hao mòn lũy kế	(104.558)	(139.345)
Tài sản cố định vô hình	3.548	2.293
Nguyên giá	6.019	4.801
Giá trị hao mòn lũy kế	(2.471)	(2.508)
<b>Tài sản có khác</b>	<b>1.742.588</b>	<b>1.249.210</b>
Các khoản phải thu	720.083	263.779
Các khoản lãi, phí phải thu	718.117	709.416
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	134.824	124.192
Tài sản có khác	169.564	151.823
<b>TỔNG TÀI SẢN CỐ</b>	<b>100.732.644</b>	<b>87.786.108</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>Tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>1.984.091</b>	<b>1.060.550</b>
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	1.904.776	1.060.550
Vay các tổ chức tín dụng khác	79.315	-
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>85.072.414</b>	<b>74.353.240</b>
<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>1.532.882</b>	<b>1.185.391</b>
Các khoản lãi, phí phải trả	70.355	59.568
Các khoản phải trả và công nợ khác	1.462.527	1.125.823
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>88.589.387</b>	<b>76.599.181</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>12.143.257</b>	<b>11.186.927</b>
Vốn của tổ chức tín dụng	7.528.000	7.528.000
Quý của tổ chức tín dụng	2.169.066	1.798.790
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.446.191	1.860.137
<b>TỔNG VỐN</b>	<b>12.143.257</b>	<b>11.186.927</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>100.732.644</b>	<b>87.786.108</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>	<b>17.311.987</b>	<b>16.611.883</b>
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	9.961.190	8.432.802
Bảo lãnh khác	7.350.797	8.179.081
<b>Các cam kết đưa ra</b>	<b>77.881.062</b>	<b>68.524.063</b>
Cam kết giao dịch hối đoái	74.897.364	60.464.947
Cam kết mua ngoại tệ	37.423.664	30.206.156
Cam kết bán ngoại tệ	37.414.417	30.202.465
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	59.283	56.326
Cam kết cho vay không huy ngang	2.983.698	4.695.366
Hợp đồng hoán đổi lãi suất	-	3.363.750

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018	2017
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	3.779.273	2.986.754
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(305.491)	(259.651)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>3.473.782</b>	<b>2.727.103</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.045.217	872.043
Chi phí hoạt động dịch vụ	(262.324)	(205.011)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>782.893</b>	<b>667.032</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>671.621</b>	<b>743.119</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>8.688</b>	<b>6.264</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>184.610</b>	<b>30.951</b>
Thu nhập từ hoạt động khác	94.849	47.398
Chi phí hoạt động khác	(37.981)	(22.722)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>56.868</b>	<b>24.676</b>
<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>(2.021.799)</b>	<b>(1.872.979)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>3.156.663</b>	<b>2.326.166</b>
<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>(59.889)</b>	<b>(94.292)</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>3.096.774</b>	<b>2.231.874</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(638.899)	(457.650)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	10.632	4.808
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>(628.267)</b>	<b>(452.842)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>2.468.507</b>	<b>1.779.032</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)		
	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018	2017
	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	3.744.079	3.061.739
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(294.704)	(263.974)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	790.038	697.915
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	680.777	745.859
Thu nhập/(chi phí) khác	14.464	(18.632)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	42.017	44.822
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.927.305)	(1.823.245)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(561.122)	(424.823)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ VỐN LƯU ĐỘNG</b>	<b>2.488.244</b>	<b>2.019.661</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>		
Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	1.551.406	(1.181.342)
Giảm về kinh doanh chứng khoán kinh doanh và chứng khoán sẵn sàng để bán	260.139	2.571.077
Giảm về các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7.140	25.729
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(4.799.246)	(7.397.233)
Sử dụng dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(38.922)	(88.934)
Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	177.867	(99.024)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>		
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	923.540	(1.472.592)
Tăng tiền gửi của khách hàng	10.719.174	18.342.226
Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	183.470	(84.589)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>11.472.812</b>	<b>12.634.979</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Mua sắm tài sản cố định	(46.023)	(44.920)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	475	1.632
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>(45.548)</b>	<b>(43.288)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Lợi nhuận đã chia	(1.512.177)	(2.019.242)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>(1.512.177)</b>	<b>(2.019.242)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>9.915.087</b>	<b>10.572.449</b>
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>35.450.720</b>	<b>24.878.271</b>
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>45.365.807</b>	<b>35.450.720</b>

VỐN CHỦ SỞ HỮU					
	Vốn của TCTD	Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.528.000	544.439	987.496	1.572.738	10.632.673
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.779.032	1.779.032
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(1.224.778)	(1.224.778)
Trích lập các quỹ	-	88.952	177.903	(266.855)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.528.000	633.391	1.165.399	1.860.137	11.186.927
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.468.507	2.468.507
Chi trả cổ tức (**)	-	-	-	(1.512.177)	(1.512.177)
Trích lập các quỹ	-	123.425	246.851	(370.276)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7.528.000	756.816	1.412.250	2.446.191	12.143.257

(\*) Việc phân phối lợi nhuận năm 2016 của Ngân hàng được Hội đồng thành viên của Ngân hàng phê duyệt vào ngày 20 tháng 6 năm 2017 và được chi trả vào ngày 21 tháng 9 năm 2017.  
(\*\*) Việc phân phối lợi nhuận năm 2017 của Ngân hàng được Hội đồng thành viên của Ngân hàng phê duyệt vào ngày 16 tháng 4 năm 2018 và được chi trả vào ngày 4 tháng 6 năm 2018 và ngày 28 tháng 8 năm 2018.

THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN		
	2018	2017
	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)</b>	<b>1.438</b>	<b>1.294</b>
<b>Thu nhập của cán bộ, công nhân viên</b>		
Tổng quỹ lương	631.710	574.527
Lương bổ sung	168.195	142.390
Thu nhập khác	68.818	70.006
	868.723	786.923
Tiền lương bình quân/ người/ năm	439	444
Thu nhập bình quân/ người/ năm	604	608

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH		
	31.12.2018	31.12.2017
	Triệu đồng, %	Triệu đồng, %
Vốn điều lệ	7.528.000	7.528.000
Tổng tài sản	100.732.644	87.786.108
Tỷ lệ an toàn vốn	14%	14%
Nợ quá hạn	661.110	681.417
Nợ xấu	332.397	350.422
Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động	49%	56%
Số dư bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%
Số dư nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0,88%	1,01%
Số dư nợ xấu/Tổng dư nợ	0,44%	0,52%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	26%	47%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
- Bảng đồng Việt Nam	Tuần thủ	Tuần thủ
- Bảng ngoại tệ khác	Tuần thủ	Tuần thủ
	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>Triệu đồng</b>	<b>Triệu đồng</b>
Doanh số huy động tiền gửi	3.396.803.911	2.603.800.528
Doanh số cho vay	110.894.365	86.744.688
Doanh số thu nợ	106.366.400	79.594.841

Báo cáo tài chính tóm tắt đã được Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phê chuẩn ngày 22 tháng 3 năm 2019.

**Hà Lê Thảo Vy**  
 Kiểm soát Tài chính

**Nguyễn Thị Thanh Trúc**  
 Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

**Phạm Hồng Hải**  
 Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)	
<p>Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo được lập ngày 22 tháng 3 năm 2019, từ trang 2 đến trang 8, bao gồm Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, vốn chủ sở hữu, thu nhập của cán bộ công nhân viên và các chỉ số tài chính, được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đầy đủ này tại Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2019. Báo cáo tài chính đầy đủ này và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.</p> <p>Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng.</p> <p><b>Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật</b>                      Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt theo các tiêu thức qui định bởi pháp luật.</p> <p><b>Trách nhiệm của Kiểm toán viên</b>                      Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".</p> <p><b>Ý kiến của Kiểm toán viên</b>                      Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo - được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng đã được kiểm toán - đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán, phù hợp với các tiêu thức qui định bởi pháp luật.</p>	
 <b>PwC</b>	 <b>Nguyễn Hoàng Nam</b> Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2018-006-1 Chức vụ: Kiểm toán viên
 <b>Lai Hùng Phương</b> Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2432-2018-006-1	Công ty TNHH PwC (Việt Nam) Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam ĐT: +84 (28) 38230796, www.pwc.com/vn

